

Bản án số: **01/2023/HNGĐ - ST**
Ngày: 06-01-2023
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Hải**

2. Bà **Nguyễn Thị Loan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Bích Th**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Thái H**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị Th có mặt, anh H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Thị Bích Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Thái H sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 02 năm, đến ngày 30/11/2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã Ph, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con mà ham chơi bời, thường xuyên nhậu say sin

rồi chửi bới, xúc phạm chị, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xung đột, dần có khoảng cách và không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Tháng 11/2021, anh H đã chuyển về sinh sống cùng mẹ ruột tại thôn D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy. Do không chịu đựng được lối sống của anh H nên chị đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng giải quyết, sau đó nghĩ thương các con còn nhỏ nên chị đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Thái H.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai người con chung là cháu Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 13/11/2016 và cháu Đỗ Kim Ngân H, sinh ngày 21/8/2021. Các cháu hiện tại đang ở với chị và do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Kim Ng đang học lớp 1C tại trường tiểu học Phú Hội, Đức Trọng. Do các cháu là con gái và còn nhỏ nên ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Hiện nay chị làm vườn, thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng, ngoài ra có chỗ ở là căn nhà do bố mẹ chị cho nên đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con phát triển tốt về mọi mặt. Do đó không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Bị đơn anh H đã được Tòa án tổng đạt Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, chị Th có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kim Ng và cháu Ngân H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; chị và anh H không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đặng Thị Bích Th và anh Đỗ Thái H được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Kim Ng và cháu Đỗ Kim Ngân H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: Chị Th, anh H không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết ly hôn với anh H, anh H có địa chỉ cư trú tại Thôn D, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Phiên tòa ngày 19 tháng 12 năm 2022, anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H đã được UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015 ngày 30/11/2015. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Th, anh H là hợp pháp.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...*”

Theo tài liệu có trong hồ sơ, chị Th cho rằng vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi bời, thường xuyên nhậu nhọt say sưa, chửi bới, xúc phạm chị dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xung đột, dần có khoảng cách và không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Tháng 11/2021, anh H đã chuyển về sinh sống cùng mẹ ruột tại thôn D, xã L, huyện Đ nên vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy.

Tại biên bản xác minh ngày 25/11/2022 (bút lục 39), bà Nguyễn Thị N là mẹ ruột của anh H cho biết “*Vợ chồng anh H, chị Th sau khi kết hôn thì chung sống tại huyện Đ, trong cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi vã, xích mích, nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhọt. Cuối năm 2021, anh H đã chuyển về thôn D, xã L, huyện Đ chung sống với bà nên vợ chồng sống ly từ*

đó”. Tại biên bản xác minh ngày 28/11/2022 (bút lục 40), bà Lê Thị Bích Ph là mẹ ruột của chị Th cho biết “Năm 2015 chị Th, anh H đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn thì chung sống tại huyện Đ, cuộc sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ham chơi bời, thường xuyên uống rượu say sưa, chửi bới vợ con dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc. Tháng 11/2021, anh H đã chuyển về thôn D, xã L, huyện Đ sinh sống”. Tại biên bản xác minh ngày 29/11/2022 (bút lục 41), ông Jơ Nưng Sang S là trưởng thôn D, xã L, huyện Đ cho biết “Năm 2015 anh H và chị Th đăng ký kết hôn, sau đó sinh sống tại huyện Đ. Cuối năm 2021, anh H chuyển về thôn D, xã L, huyện Đ sinh sống cùng mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N. Từ thời gian đó đến nay vợ chồng anh H, chị Th sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau mà mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình”.

Đối với anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết và đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng đều vắng mặt, điều đó thể hiện sự bỏ mặc, không còn thiết tha đến tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Th và anh H là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, mà đã sống ly thân, người nào chỉ biết bốn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Do không chịu đựng được tính cách, lối sống của anh H nên chị Th đã từng làm đơn ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng giải quyết nhưng sau đó rút đơn và Tòa án Đức Trọng ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, chị Th vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Th và anh H được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Th và anh H có 02 người con chung là cháu Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 13/11/2016 và cháu Đỗ Kim Ngân H, sinh ngày 21/8/2021. Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Cũng theo biên bản xác minh nêu trên bà Nguyễn Thị N, bà Lê Thị Bích Ph, ông Jơ Nưng Sang S đều cho biết “Chị Th, anh H có hai người con chung là cháu Đỗ Thị Kim Ng và Đỗ Kim Ngân H. Hiện nay, các cháu đang sống chung với chị Th và học tập tại xã Ph, huyện Đ. Trường hợp anh chị ly hôn thì giao các con chị Th nuôi dưỡng là phù hợp”. Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”. Xét thấy, đến thời điểm xét xử cháu Ngân H chưa đủ 36 tháng tuổi và theo xác nhận của Trường tiểu học Phú Hội, huyện Đức Trọng cho biết cháu Kim Ng hiện đang học lớp 1C (bút lục 08). Chị Th làm vườn, thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng và có chỗ ở, các cháu đều là con gái và đang sinh sống cùng chị Th tại xã Ph, huyện Đ. Vì vậy, để ổn định cuộc sống, học tập của các cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy cần

giao cháu Kim Ng, Ngân H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt về mọi mặt. Chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Th cho rằng không có nợ chung. Đối với anh H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc nhưng vắng mặt nên không thể hiện ý kiến về vấn đề nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung. Sau này nếu có tranh chấp về nợ chung thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Th phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị Bích Th đối với bị đơn anh Đỗ Thái H.

Cho chị Đặng Thị Bích Th và anh Đỗ Thái H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Kim Ng, sinh ngày 13/11/2016 và cháu Đỗ Kim Ngân H, sinh ngày 21/8/2021 cho chị Đặng Thị Bích Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị Thu không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Bích Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0008999 ngày

17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (chị Thu đã nộp đủ). Anh Đỗ Thái H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn